

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Nhân.

2. Ông Tô Tấn Linh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc Q, sinh năm 1985.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Xóm a, thôn M, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Trần Thị Ngọc Q có đơn xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thanh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2022; tại phiên hòa giải ngày 13/8/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Q trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/3/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh V thường xuyên nhậu nhẹt, không

lo làm ăn, về nhà còn gây gỗ đánh đập vợ con, giữa hai vợ chồng chị không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù được cha mẹ hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì các con chị đã nhiều lần khuyên giải để anh V thay đổi nhưng anh V vẫn chứng nào tật nấy. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Thanh V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Nguyễn Tường A, sinh ngày 21/02/2007 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 19/5/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu A và cháu B cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến cháu A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2022 đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Q trình bày vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Q trình bày không có.

Ngoài ra, chị Q không có yêu cầu khác.

** Tại bản trình bày ngày 04/8/2022, bị đơn anh Nguyễn Thanh V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Ngọc Q đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2013. Trong quá trình chung sống tuy vợ chồng có mâu thuẫn và dẫn đến việc bất đồng trong cuộc sống hôn nhân nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị Q yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, muốn cùng chị Q đoàn tụ để nuôi dạy các con ăn học.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có 02 con chung Nguyễn Tường A, sinh ngày 21/02/2007 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 19/5/2008.

- Về tài sản chung: Anh V trình bày vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh V trình bày vợ chồng anh không có nợ chung.

Ngoài ra anh V không có yêu cầu khác.

** Tại biên bản xác minh ngày 20/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện:* Chị Trần Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Thanh V có đăng ký kết hôn số 20, quyền số 01 năm 2013 do Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận ngày 19/3/2013. Quá trình chung sống chị Q và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Tường A, sinh ngày 21/02/2007 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 19/5/2008. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn đại diện Hội Liên Hiệp phụ nữ xã N, huyện Tư Nghĩa cho biết Hội phụ nữ xã không biết được nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn giữa chị Q và anh V vì không nghe chị Q hay anh V báo về mâu thuẫn, hay có đơn thư nhờ Hội can thiệp giải quyết mâu thuẫn.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị Ngọc Q ly hôn với anh Nguyễn Thanh V. Về con chung giao cháu Nguyễn Tường A và cháu Nguyễn Thanh B cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung chị Q và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đề nghị buộc chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thanh V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Chị Trần Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Thanh V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn không còn tình cảm, không cùng nhau thực hiện việc xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng không tiến hành hoà giải được vì anh V vắng mặt. Những tình tiết nêu trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q, chị Q được ly hôn với anh V.

[3.3] Về con chung: Vợ chồng chị Q và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Tường A, sinh ngày 21/02/2007 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 19/5/2008, hiện do anh V đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Q có yêu cầu khi ly hôn giao cháu A và cháu B cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.4] Xét: Cháu A sinh năm 2007 và cháu B sinh năm 2008, tại thời điểm xét xử cháu A và cháu B đã trên 7 tuổi, các cháu có nguyện vọng khi ba mẹ ly hôn các cháu muốn được sống cùng ba. Hiện cháu A, cháu B do anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu đang học tập ổn định tại trường THCS N. Chị Q đã về nhà mẹ đẻ ở xã L sinh sống không còn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A và cháu B. Căn cứ vào điều kiện thực tế, vì lợi ích mọi mặt của cháu A, cháu B, trong đó để đảm bảo việc các cháu được tiếp tục học tập, Hội đồng xét xử giao cho anh V được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Nguyễn Tường A và Nguyễn Thanh B cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Ngọc Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tường A mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Tòa án tuyên án.

[3.6] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không nhận định.

[3.7] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có, Hội đồng xét xử không nhận định.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng hành dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí về cấp dưỡng: Chị Trần Thị Ngọc Q phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc Q, chị Trần Thị Ngọc Q được ly hôn với anh Nguyễn Thanh V.

2. Giao cháu Nguyễn Tường A, sinh ngày 21/02/2007 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 19/5/2008 cho anh Nguyễn Thanh V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Ngọc Q cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tường A mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Tòa án tuyên án (ngày 16/9/2022).

Chị Trần Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Thanh V đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc Q phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003111 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng: Chị Trần Thị Ngọc Q phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã N, huyện Tư Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa

